TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-01-2019
V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1977, địa chỉ cư trú: Ấp H Hưng, xã H X, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị Kh, sinh năm 1982, địa chỉ cư trú: Ấp Bờ Dâu, xã Thạnh Mỹ Tây, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Hữu L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Kh kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H X, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống, vợ chồng P sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, vợ chồng không thể hàn gắn chung sống lâu dài với

nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh L yêu cầu giải quyết cho ly hôn với chị Kh.

- Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hữu S, sinh ngày 16/4/2002 và Nguyễn Hữu P, sinh ngày 11/5/2007, hiện cả 02 con đang do anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị Kh cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập chị Kh để ghi nhận ý kiến nhưng chị Kh vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với chị Kh, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C P biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự và gửi thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát không đảm bảo đúng thời hạn quy định pháp luật. Vụ án đã quá thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng Chánh án chưa ban hành quyết định gia hạn thời gian chuẩn bị xét xử, kiến nghị khắc phục. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh L ly hôn với chị Kh; giao 02 con chung tên Nguyễn Hữu S, sinh ngày 16/4/2002 và Nguyễn Hữu P, sinh ngày 11/5/2007 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng; chị Kh không phải cấp dưỡng nuôi con do anh L không yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị không xem xét.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản photo chứng minh nhân dân tên Nguyễn Hữu L, Sổ hộ khẩu chủ hộ tên Nguyễn Hữu L; bản sao giấy khai sinh con chung tên Nguyễn Hữu S, Nguyễn Hữu P; Biên bản xác minh tình trạng cư trú của bị đơn, tình trạng hôn nhân; Bản ghi nhận ý kiến con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, nuôi con chung, bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh L và chị Kh đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H X, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 25/3/2008, là hôn nhân hợp pháp, làm P sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Quá trình chung sống, vợ chồng P sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; đời sống chung không hòa hợp nên đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Kh vắng mặt, thể hiện chị Kh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; vợ chồng ly thân đã lâu. Qua đó, cho thấy vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã vi phạm nghĩa vụ của vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân nên anh L yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị Kh là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh L ly hôn với chị Kh.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Anh L và chị Kh có 02 con chung tên Nguyễn Hữu S, sinh ngày 16/4/2002 và Nguyễn Hữu P, sinh ngày 11/5/2007, hiện cả 02 con đang do anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung.

Xét, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung; cháu Nguyễn Hữu S và Nguyễn Hữu P có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với anh L. Hiện nay anh L có điều kiện để tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với cháu S và cháu P. Để đảm bảo quyền L và sự P triển về mọi mặt của con, tạo điều kiện cho con được ổn định về tâm lý, cuộc sống và sinh hoạt, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cả 02 con chung tên Nguyễn Hữu S và Nguyễn Hữu P cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chị Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không yêu cầu chị Kh cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Hữu L ly hôn với chị Phạm Thị Kh.

2. Về quan hệ con chung: Giao cả 02 con chung tên Nguyễn Hữu S, sinh ngày 16/4/2002 và Nguyễn Hữu P, sinh ngày 11/5/2007 cho anh Nguyễn Hữu L trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không yêu cầu chị Kh cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí anh L đã nộp theo biên lai thu số: 0002408 ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh L đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Hữu L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Phạm Thị Kh có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã H X, Phú Tân;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**